

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7787 / QĐ-UBND

An Lão, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật
theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP năm học 2023-2024 và học kỳ 1 năm học 2024-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;

Căn cứ Kế hoạch số 184/ KH-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện An Lão về Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Thông báo số 509/TB-PGD ngày 31/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về số học sinh khuyết tật học hòa nhập và số lớp dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập năm học 2023-2024 và kỳ 1 năm học 2024-2025; nhu hỗ kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP năm học 2023-2024 và học kỳ 1 năm học 2024-2025 của các trường công lập trên địa bàn huyện; Báo cáo số 672/ BC-TCKH ngày 31/12/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP năm học 2023-2024 và học kỳ 1 năm học 2024-2025 với tổng số tiền là: **2.771.356.000 đồng**.

(Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2024.

Có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch thực hiện thông báo dự toán kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP năm học 2023-2024 và học kỳ 1 năm học 2024-2025, hướng dẫn đơn vị thực hiện,

phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên giảng dạy, giáo dục hòa nhập của các trường.

- Hiệu trưởng các trường được cấp kinh phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được cấp, về tính chính xác của toàn bộ hồ sơ thanh toán, quyết toán việc chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên giảng dạy, giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật; đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng nội dung và định mức theo pháp luật quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường được cấp kinh phí; Giám đốc kho bạc nhà nước An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đã Thế Vinh

**NHU CẦU KINH PHÍ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI GIẢNG DẠY NGƯỜI KHUYẾT TẬT
THEO NGHỊ ĐỊNH 28/2012/NĐ-CP NĂM HỌC 2023-2024, HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 7787/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

ST T	Đơn vị	Kỳ I năm học 2023 - 2024				Kỳ II năm học 2023 - 2024				Kỳ I năm học 2024 - 2025				TỔNG CỘNG
		Số giờ thực giảng dạy người	Hệ số hỗ trợ	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo	Thành tiền	Số giờ thực giảng dạy người	Hệ số hỗ trợ	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo	Thành tiền	Số giờ giảng dạy người khuyết	Hệ số hỗ trợ	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4=1*2*3	5	6,0	7	8=5*6*7	9	10,0	11	12=9*10*11	13=4+8+12
	TỔNG CỘNG	30.878		2.062	626.532	39.477		2.264	815.526	50.636		2.936	1.329.298	2.771.356
I	KHỐI MẦM NON									616		99	12.209	12.209
1	Quang Hưng									616	0,2	99	12.209	12.209
II	KHỐI TIỂU HỌC	22.179		1.161	447.314	30.758		1.297	644.683	34.916		1.734	928.921	2.020.918
1	Bát Trang	2.946	0,2	97	57.017	4.764	0,2	100	95.292	2.816	0,2	132	74.510	226.819
2	Trường Thọ					1.848	0,2	124	45.727	3.354	0,2	127	84.990	130.717
-	An Tiến	1.680	0,2	103	34.700	2.082	0,2	115	47.948	2.304	0,2	139	63.884	146.532
	An Thắng	1.224	0,2	131	32.088	1.156	0,2	133	30.673	1.776	0,2	131	46.545	109.306
	Tân Dân	2.144	0,2	94	40.456	2.040	0,2	97	39.647	2.144	0,2	120	51.362	131.465
	Trường Sơn	160	0,2	145	4.651	654	0,2	130	16.971	576	0,2	169	19.474	41.096
	Trần Tất Văn	2.240	0,2	112	49.961	2.112	0,2	112	47.368	2.286	0,2	142	65.084	162.413
	Nguyễn Đốc Tín	3.960	0,2	103	81.181	3.740	0,2	106	79.529	4.695	0,2	139	130.919	291.629
	Mỹ Đức 1	1.572	0,2	82	25.917	1.873	0,2	81	30.477	1.728	0,2	98	34.019	90.413
	Mỹ Đức 2	2.026	0,2	89	36.027	2.958	0,2	87	51.709	2.880	0,2	140	80.520	168.256
	TH Tân Viên				-				-	1.084	0,2	119	25.864	25.864
	Quốc Tuấn	2.778	0,2	98	54.210	3.723	0,2	112	83.460	2.880	0,2	146	84.036	221.706
	Quang Trung	1.449	0,2	107	31.106	3.808	0,2	100	75.882	6.393	0,2	131	167.714	274.702

ST T	Đơn vị	Kỳ I năm học 2023 - 2024				Kỳ II năm học 2023 - 2024				Kỳ I năm học 2024 - 2025				TỔNG CỘNG
		Số giờ thực giảng dạy người	Hệ số hỗ trợ	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo	Thành tiền	Số giờ thực giảng dạy người	Hệ số hỗ trợ	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo	Thành tiền	Số giờ giảng dạy người khuyết	Hệ số hỗ trợ	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4=1*2*3	5	6,0	7	8=5*6*7	9	10,0	11	12=9*10*11	13=4+8+12
III	KHỐI THCS	4.968		610	116.261	4.136		601	95.713	4.878		618	147.105	359.079
1	Tân Thắng	522	0,2	147	15.336	510	0,2	147	14.984	1.080	0,2	191	41.298	71.618
2	Thái Sơn	1.044	0,2	120	25.017	986	0,2	121	23.948	1.044	0,2	167	34.814	83.779
3	Lương Khánh Thiện	576	0,2	132	15.257	544	0,2	132	14.410	-	-	-	-	29.667
4	Nguyễn Chuyên Mỹ	1.044	0,2	98	20.376	974	0,2	89	17.397	1.566	0,2	123	38.423	76.196
5	Mỹ Đức	1.782	0,2	113	40.275	1.122	0,2	111	24.974	1.188	0,2	137	32.570	97.819
IV	LIÊN CẤP	3.731		291	62.957	4.583		365	75.130	10.226		485	241.063	379.150
1	TH và THCS Lê Khắc Cẩn (TH)				-	1.043	0,2	72	14.932	2.480	0,2	115	57.100	72.032
2	TH và THCS Trường Thành (TH)	552	0,2	129	14.218	537	0,2	126	13.557	2.304	0,2	128	59.140	86.915
	TH và THCS Trường Thành (THCS)	594	0,2	88	10.429	561	0,2	93	10.451	1.710	0,2	138	47.145	68.025
3	TH và THCS Quang Hưng (TH)	2.585	0,2	74	38.310	2.442	0,2	74	36.190	3.732	0,2	104	77.678	152.178



Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư 90/20178TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THCS Mỹ Đức

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ- THCS ngày 25 tháng 01 năm 2024 của trường THCS Mỹ Đức)

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu chi nộp ngân sách phí, lệ phí	97.819.000
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	97.819.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	97.819.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	